



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU (MÃ CK: SSG)

Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận quận 7 Tp. HCM

Tel: (84-28) 3.8.732338; Fax: 08.28. 3.8.732909

E-mail: opr-dept@seagullshipping.com.vn

Website: www.seagullshipping.com.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM

Tel: (84-28) 3.8.732338 Fax: (84-28) 3.8.732909

E-mail: opr-dept@seagullshipping.com.vn

Website: www.seagullshipping.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Mã CK : SSG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát: Lịch sử hoạt động của Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu
- Tên viết tắt : SESCO
- Tên Tiếng Anh : SEAGULL SHIPPING COMPANY
- Biểu tượng của Công ty : 
- Giấy CNĐKKD : Số 4103000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/10/2018.
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ : Số 40 đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, Quận 7, Tp. HCM.
- Điện thoại : (84-028) 3.8.732338
- Fax: : (84-028) 3.8.732909
- Webside : www.seagullshipping.com.vn
- Mã chứng khoán : SSG

- Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 2000, theo chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu được thành lập theo quyết định số 29/2000/QĐ-TTg ngày 28/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Từ một công ty nhà nước trực thuộc Công ty vận tải Biển Việt Nam (Vosco) chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần.

Tại thời điểm cổ phần hóa, tài sản của Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu là tàu vận tải hàng khô mang tên Southern Star, có tải trọng 6.500 DWT, đóng năm 1983, trị giá tài sản khoảng 13,5 tỷ đồng. Vốn cổ phần là 15.000.000.000 đồng.

Kinh doanh vận tải biển là hoạt động kinh doanh chính. Công ty có đội tàu chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa giữa các cảng quốc tế. Vùng hoạt động của đội tàu Công ty không hạn chế. Sau 14 năm hoạt động, Hải Âu đã có những bước phát triển nhất định. Khách hàng tin tưởng đội tàu công ty vận chuyển hàng hóa an toàn, đảm bảo chất lượng. Đội tàu công ty từ 01 con tàu trọng tải 6.500 tấn khi thành lập đến cuối năm 2006 đội tàu phát triển thành 04 tàu với tổng trọng tải trên 30.000 tấn. Từ năm 2008 đến năm 2014 công ty đã bán 03 tàu, mua mới 01 tàu. Ngày 24/07/2018, công ty đã bàn giao tàu cho Ngân hàng tài trợ dự án mua tàu Sea Dragon để tất toán khoản vay. Đến 31/12/2018 đến nay, công ty còn 01 tàu với tổng trọng tải 13.316 tấn đóng tháng 12/2006

Cuối năm 2008, công ty đầu tư mua trụ sở số 12, đường Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh. Tháng 07/2018, công ty đã bán trụ sở này và tháng 09/2018 mua trụ sở mới tại số 40 đường số 1 khu phố 3, phường Bình Thuận Tp. Hồ Chí Minh.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn cố gắng tuân thủ pháp luật tại Việt Nam và pháp luật quốc tế. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, không nợ đọng thuế.

Ngày 05/01/2011, cổ phiếu công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SSG. Do bị lỗ 3 năm liên tiếp, ngày 15/05/2015, cổ phiếu công ty bị hủy niêm yết tại HNX.

Từ ngày 03/06/2015, cổ phiếu công ty (SSG) niêm yết và đăng ký giao dịch tại thị trường UPCOM.

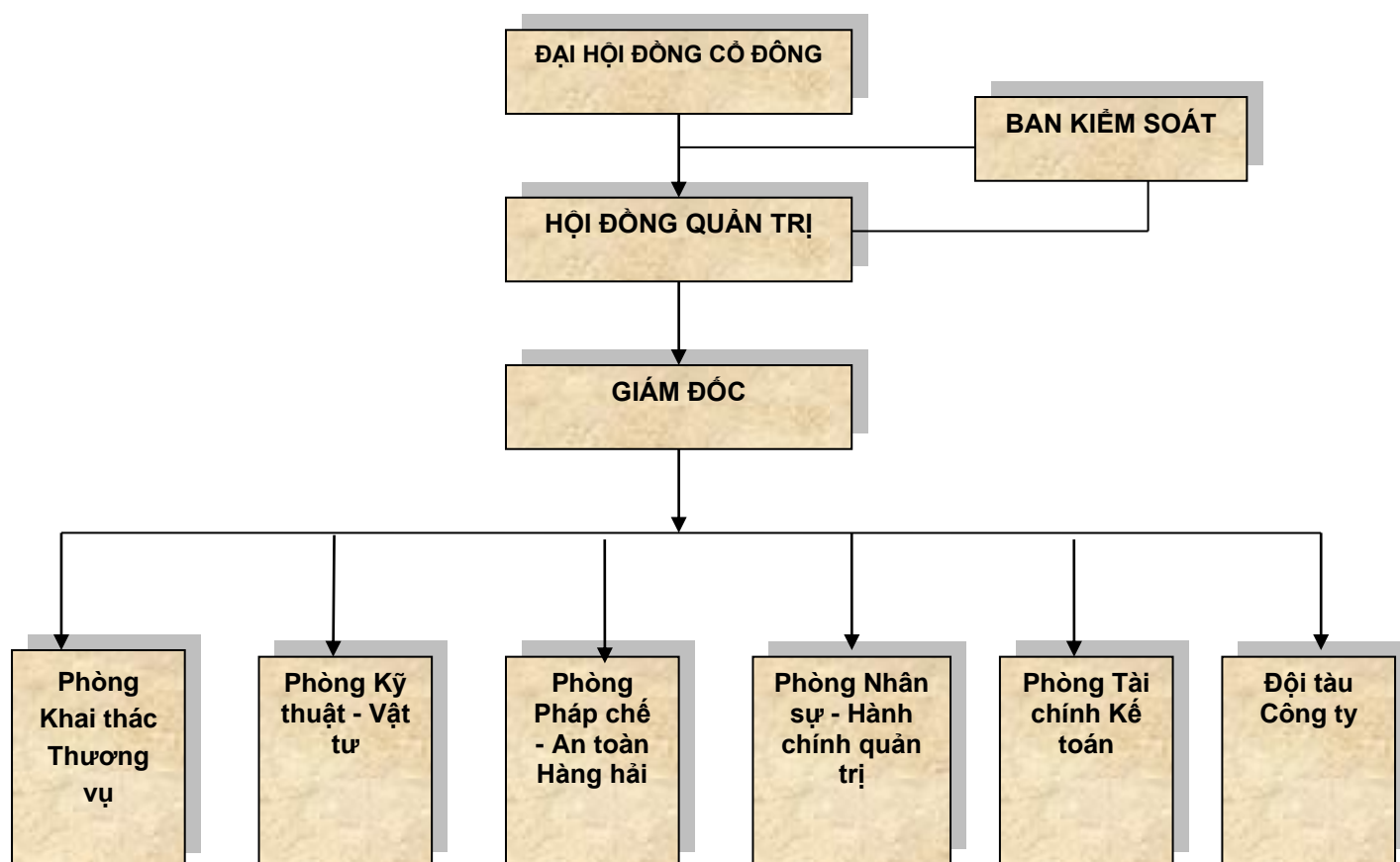
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là vận tải biển trong và ngoài nước.

- Địa bàn kinh doanh: Vận tải hàng hóa giữa các cảng trong nước, giữa cảng trong nước và quốc tế, giữa các cảng quốc tế. Các tàu của công ty chủ yếu hoạt động ở khu vực Đông Nam Á và Bắc á.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2015, Điều lệ Công ty, Bộ Luật Hàng Hải và các luật khác có liên quan



4. Định hướng phát triển

- Công ty cố gắng trẻ hóa, tăng trọng tải đội tàu. Tuy nhiên, hiện nay kinh doanh vận tải biển gặp rất nhiều khó khăn nên tạm thời công ty chưa đầu tư thêm tàu, phát triển các dịch vụ khác.

- Trong quá trình kinh doanh, công ty luôn tuân thủ theo các quy trình quản lý an toàn đảm bảo an toàn đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

Sau một thời gian giảm giá, hiện nay giá dầu lại tăng, chi phí nhiên liệu, dầu nhớt là các khoản mục chi phí lớn chiếm tỷ trọng lớn trên doanh thu. Giá dầu tăng, chi phí dịch vụ hàng hải tăng, hàng hóa khan hiếm, tàu chạy rỗng nhiều mà giá cước vận tải giảm khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới sản xuất đình trệ ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh doanh vận tải biển. Ngoài ra, thời tiết cũng là một yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng đến an toàn của con người, tài sản và hàng hóa vận chuyển, thời gian xếp dỡ hàng hóa. Để ngăn ngừa rủi ro, công ty luôn tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm như bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với bên thứ ba, bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

II. Tình hình hoạt động trong năm năm 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, dịch bệnh hoành hành, căng thẳng Mỹ Trung vẫn không hạ nhiệt, kinh tế toàn cầu lao dốc.

Tình trạng kỹ thuật tốt, tàu Sea Dream cho thuê định hạn liên tục từ khi tàu rời đà (6/1/2020) đến 31/12/2020. Trong năm gần như không bị off hire. Tình hình kinh doanh vận tải biển gặp khó khăn, giá cước thuê tàu trên thị trường giảm nên từ cước thuê tàu Sea Dream cũng bị giảm 12,12% từ tháng 09/2020.

- *Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2020:*

Số TT	Chỉ tiêu	Phê duyệt ĐHCĐ 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	So sánh thực hiện năm 2020/ KH 2020	So sánh thực hiện năm 2020/ 2019
1	Tổng doanh thu tàu Sea Dream (triệu đồng)	27.467	26.455	26.923	96,32%	98,26%
2	Quỹ tiền lương (triệu đồng)	5.000	4.920	4.749	98,40%	103,60%
3	Khấu hao cơ bản (%)	5,00%	5,00%	5,00%	100%	100%
	Tàu Sea Dream (triệu đồng)	8.868	8.868	8.868	100%	100%
4	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	1.715	-538	2.094		
5	Thù lao HĐQT (triệu đồng)	0	0	0		
6	Mức chia cổ tức (%)	0	0	0		

Trong năm 2020, công ty đã hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về quỹ lương và khấu hao; chỉ tiêu doanh thu đạt 96,32% kế hoạch và bị lỗ.

2. Tổ chức và nhân sự:

- *Danh sách Ban điều hành và các cán bộ quản lý:*

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Hữu Hoàn	Giám đốc	3,10%
2	Lê Thanh Hà	Kế toán trưởng	0,10%
3	Trần Ngọc Nam	Trưởng phòng Khai thác và Pháp chế An toàn	0%

- Lý lịch Ban điều hành

a. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành

1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Hoàn
2. Giới tính: Nam
3. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
4. Quá trình công tác:

Từ 1979-1983	Cán bộ Phòng Hàng hải Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 1983-1988	Cán bộ Phòng Khai thác Thương vụ Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 1989-1990	Quản trị trưởng tàu Tô Lịch
Từ 1990-1995	Đại diện Công ty Vận tải biển Việt Nam tại Thái Lan, Giám đốc điều hành Công ty liên doanh Vận tải biển TVS tại Bangkok, Thái Lan
Từ 1995-2000	Giám đốc Công ty Vận tải biển Hải Âu, thuộc Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 2000-2002	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.
Từ 2002-2008	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu, Phó trưởng ban Kế hoạch Đầu tư Cục Hàng hải Việt Nam
Từ 2008-2014	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.
Từ 2014-đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.

b. Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Lê Thanh Hà
2. Giới tính: nữ
3. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Vận tải biển
4. Quá trình công tác:

Từ 1997-1999	: Làm việc tại phòng Tài chính - Kế toán Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 1999-2000	: Làm việc tại Công ty Vận tải biển Hải Âu trực thuộc Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 2000-đến nay	: Làm việc tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu

- Số lượng nhân viên công ty vào ngày 31/12/2020 là 24 người.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ Chính sách tuyển dụng, huấn luyện và đào tạo:

Nâng cao hiệu quả công việc của từng cán bộ công nhân viên, không tuyển thêm người khi người lao động nghỉ. Không bổ sung chức danh Phó Giám đốc kỹ thuật, Trưởng phòng Khai thác, Trưởng phòng Kỹ thuật khi cán bộ giữ vị trí này về hưu, chuyên công việc.

Nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng của thuyền viên làm việc trên các con tàu trong điều kiện nặng nhọc nguy hiểm, công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động để bổ sung nguồn nhân lực. Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng công khai, rộng rãi, đúng chuyên môn nghiệp vụ. Sau khi tuyển dụng, được Công ty huấn luyện cơ bản nhằm đảm bảo hoàn thành công việc được giao.

❖ Chính sách bảo đảm an toàn lao động:

Mọi chức danh làm việc trên tàu đều được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp, được trang bị phòng hộ cá nhân đảm bảo yêu cầu an toàn. Tổ chức mạng lưới an toàn vệ sinh, đảm bảo đôn đốc, nhắc nhở thực hiện quy trình an toàn trong từng ca làm việc.

❖ Chính sách tiền lương:

Lương là đòn bẩy để tăng năng suất lao động và tăng cường hiệu quả công tác. Các nước xung quanh thu hút thuyền viên với mức lương cao. Nguồn cung thuyền viên khan hiếm nên lương của thuyền viên tăng cao. Đây là một khó khăn trong khai thác tàu hiện nay. Chính sách tiền lương được xây dựng trên cơ sở đảm bảo hài hòa các lợi ích của công ty và Người lao động, phù hợp đặc thù của ngành nghề đi biển và thị trường lao động.

❖ Chính sách phúc lợi:

Công đoàn công ty chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên và thuyền viên, thường xuyên thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ. Tàu của Công ty đều có phòng câu lạc bộ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ đời sống tinh thần thuyền viên khi làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2020, tình hình kinh doanh vận tải biển nói chung và công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu nói riêng chưa có dấu hiệu khởi sắc. Công ty đã tạm dừng không đàm phán, giao dịch với các đơn vị môi giới mua bán tàu.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/2021
<i>Tổng giá trị tài sản</i>	42.181.123.456	26.202.084.444	62,12%
<i>Doanh thu thuần</i>	26.966.666.490	26.498.539.381	98,26%
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	2.094.940.907	(537.840.083)	
<i>Lợi nhuận khác</i>			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	2.094.950.907	(537.840.083)	
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	2.094.950.907	(537.840.083)	
<i>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</i>			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	0,18	0,11
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,17	0,10
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,84	0,76
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	5,15	3,14
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
- Vòng quay Hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/ Tồn kho bình quân	53,44	87,08
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản (lần)	0,64	1,01
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</i>		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,77%	-2,03%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	30,54%	-8,51%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,97%	-2,05%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	7,77%	-2,03%

* *Về khả năng thanh toán:* Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ. Hệ số khả năng thanh toán công ty năm 2020 gần bằng năm 2019

* *Về cơ cấu vốn:* Phần lớn nguồn vốn hoạt động của công ty được tài trợ từ nguồn vốn vay. Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối lớn. Đây cũng là nét đặc trưng của các doanh nghiệp vận tải biển khi đầu tư dựa trên nguồn vốn vay. Vốn vay thường chiếm 70-75% giá tài. Năm 2020, hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty giảm so với năm 2019.

* *Về hiệu quả sinh lời:* Do kết quả kinh doanh năm 2020 bị lỗ nên khả năng sinh lời của công ty kém hơn năm 2019.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 5.000.000 cổ phiếu phổ thông (Năm triệu cổ phiếu).

- Hiện nay Trung tâm lưu ký chứng khoán quản lý sổ cổ đông nên danh sách cổ đông chỉ được cung cấp khi công ty thực hiện việc chốt quyền cổ đông theo luật định.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% vốn trở lên) :

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Q.Đống Đa, Hà Nội	26,46%
2	Ông Nguyễn Đức Mạnh	P3-E1 Tập thể KHXH, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	24,88%
3	Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	8,82%
4	Cty CP Quản Lý Quỹ Tín Phát	phòng 305, tầng 3, tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa Hà Nội	8,82%
5	Cổ đông nhỏ		31,02%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm, vốn điều lệ của Công ty không thay đổi: 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng) do không phát sinh đợt tăng vốn cổ phần nào.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 18.810 cổ phiếu. Trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

c. Các chứng khoán khác

Công ty không có trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Ngành nghề kinh doanh của công ty là vận tải biển. Đây là ngành dịch vụ không phải ngành sản xuất nên không có nguyên vật liệu đầu vào.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: các tàu khi vận hành khai thác sử dụng dầu D/O và F/O. Ngoài ra trên văn phòng tiêu thụ điện sinh hoạt.

b. Năng lượng tiết kiệm:

- Vận hành tàu hoạt động với tốc độ hợp lý để giảm thiểu mức tiêu hao nhiên liệu. Trong sinh hoạt của Thuyền viên, tiết kiệm điện để giảm nhiên liệu cho máy đèn.

- Đối với điện sinh hoạt trên văn phòng: Tiết kiệm điện tối đa: Ra vào đóng cửa, tắt đèn. Hạn chế bật điều hòa. Sử dụng các năng lượng thiên nhiên khi điều kiện thời tiết cho phép.

c. Các báo cáo, sáng kiến, tiết kiệm năng lượng: Hạn chế sử dụng điều hòa trong khối văn phòng nhằm giảm sự thoát nhiệt ra ngoài không khí và thải khí CO₂. Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty tạo bóng mát để giảm thiểu công suất làm việc các thiết bị làm mát.

6.3 Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

+ Đối với các tàu vận hành trên biển: Nước được mua từ các nhà cung cấp dịch vụ tàu biển khi cập cảng và được dự trữ trong các két nước. Ngoài ra, tàu công ty có thể sản xuất được nước ngọt từ nước biển. Trung bình tàu Sea Dream sử dụng gần 8 tấn nước/ ngày. Nước được dùng để phục vụ sinh hoạt cho thuyền viên và rửa hầm hàng sau khi dỡ hàng, làm mát máy.

+ Đối với khối văn phòng: Nước được mua từ các công ty cấp nước và phục vụ cá nhân trong thời gian làm việc tại văn phòng. Khối lượng nước sử dụng hàng tháng khoảng 25 m³/ tháng.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

+ Trên các tàu biển, khi chạy biển các tàu có thể lọc được khoảng 4 tấn nước ngọt/ ngày. Lượng nước trung cất này chỉ sử dụng để rửa hầm hàng, tắm giặt không dùng để nấu nướng hay ăn uống.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Do các tàu của công ty hoạt động không giới hạn trên các vùng biển trên thế giới. Chính vì vậy, công ty luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp của Việt nam và các nước sở tại trong đó có pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm vì luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng người lao động công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 24 người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Người lao động công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ. Ngoài ra công ty còn tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu với bên thứ ba, tham gia bảo hiểm tai nạn thuyền viên 24/7.

Chế độ phúc lợi của người lao động: Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động và gia đình theo đúng quy định của pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Nghề đi biển là ngành nghề độc hại, nguy hiểm. Các thuyền viên khi nhập tàu đều qua các lớp huấn luyện an toàn từ cơ bản đến nâng cao, cứu sinh, cứu hỏa. Ngoài ra theo quy định của pháp luật, khi trên biển định kỳ người lao động phải tổ chức thực tập cứu sinh, cứu hỏa.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Thuyền viên công ty đảm bảo số giờ đào tạo theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động học tập, phát triển chuyên môn. Người lao động có chuyên môn nghiệp vụ cao là nhân tố quan trọng đảm bảo cho họ ổn định công việc và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm, công ty hỗ trợ tài chính cho chương trình phát triển cộng đồng do chính quyền, Đảng ủy, công đoàn địa phương nơi công ty đóng trụ sở phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Doanh thu:

- Năm 2020, tàu Sea Dream cho thuê định hạn từ 06/01 đến 31/12/2020, tổng doanh thu cho thuê định hạn tàu Sea Dream đạt 26.455 triệu đồng bằng 96,32% so với kế hoạch (27.467 triệu đồng) và bằng 98,26% so với năm 2019 (26.923 triệu đồng). Doanh thu năm nay giảm so với kế hoạch do giá cước thuê tàu 4 tháng cuối năm giảm 12,12% tương đương 1.012 triệu đồng.

- Cho thuê văn phòng (1 phòng làm việc) được 44 triệu đồng không đổi.

b. Chi phí tiền lương

Năm 2020, công ty đã chi trả cho người lao động 4.920 triệu đồng bằng 98,40% so với phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông (5.000 triệu đồng) bằng 103,60% so với 2019 (4.749 triệu đồng) do mức lương của thuyền viên ngày càng tăng. Để giảm chi phí tiền lương công ty đã phải thuê thuyền viên Ấn độ với giá rẻ hơn, giảm định biên 1 thợ điện.

Tuy nhiên mức lương một số chức danh thuyền viên của công ty thấp hơn các công ty vận tải biển khác cùng size tàu và vùng hoạt động

c. Khấu hao cơ bản

Năm 2020, mức trích khấu hao cơ bản của tàu Sea Dream là 5% / nguyên giá tương đương 8.868 triệu đồng và giá trị còn lại của con tàu đến 31/12/2021 chỉ còn 7.048 triệu đồng (3,97% nguyên giá).

d. Lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế năm nay của công ty -538 triệu đồng không đạt kế hoạch (lãi 1.715 triệu đồng). So với thời điểm lập kế hoạch trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh thay đổi như sau:

+ Doanh thu thuê tàu giảm	:	1.012 triệu đồng
+ Chi phí tăng	:	1.241 triệu đồng

Doanh thu năm 2020 giảm do 4 tháng cuối năm cước thuê tàu giảm 12,12%. Chi phí tăng do thay đổi thời gian phân bổ chi phí sửa chữa lớn (tàu lên đà cuối năm 2019 từ 36 tháng thành 24 tháng (cuối năm 2021 tàu Sea Dream lên đà đặc biệt): 1.348 triệu đồng; Giảm chi phí tiền lương 80 triệu; Giảm chi phí phụ tùng, vật tư dầu nhớt 15 triệu; Giảm chi phí hoa hồng do cước giảm: 12 triệu đồng.

*** Những tiến bộ công ty đã đạt được.**

Năm nay tuy công ty đã không hoàn thành hết các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra. Tuy nhiên trong tình hình kinh doanh vận tải biển vẫn còn nhiều khó khăn, công ty thu đủ cước, nợ phải trả giảm. Công ty tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Công ty còn mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I); bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn, sức khỏe thuyền viên 24/7 với tổng giá trị tài sản mua bảo hiểm hợp lý để phòng rủi ro.

2. Tình hình tài chính năm 2020:

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty là: **26.202 triệu đồng** (bằng **62,12%** so với năm trước (**42.181 triệu đồng**), trong đó một số tài sản chủ yếu như sau:

a) Tổng tài sản ngắn hạn: **2.276 triệu đồng**, chiếm **8,69%** tổng tài sản. Các tài sản chủ yếu là: Tiền và các khoản tương đương tiền (*600 triệu đồng*); Các khoản phải thu ngắn hạn (*656 triệu đồng*); Nguyên, vật liệu tồn kho (*269 triệu đồng*), Tài sản ngắn hạn khác (*750 triệu đồng*).

b) Giá trị còn lại của tài sản cố định là: **19.038 triệu đồng**, chiếm **72,66%** tổng tài sản. Các tài sản cố định chủ yếu là tàu và trụ sở Công ty, cụ thể như sau:

- Tàu Sea Dream: nguyên giá là: 177.361 triệu đồng, giá trị còn lại là: 7.048 triệu đồng (bằng 3,9% nguyên giá). Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho tàu của Công ty với tổng giá trị tài sản mua bảo hiểm hợp lý để phòng ngừa rủi ro.

- Trụ sở Công ty tại số 40, đường số 1 khu phố 3 phường Bình Thuận, quận 7 thành phố Hồ Chí Minh: Nguyên giá (hữu hình và vô hình): 12.191 triệu đồng, giá trị còn lại: 11.989 triệu đồng (bằng 98,34% nguyên giá). Trong đó: nguyên giá vô hình quyền sử dụng đất 10.000 triệu đồng không trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Các khoản chi phí trả trước dài hạn là: **4.884 triệu đồng**, chiếm **18,64%** tổng tài sản.

b. Tình hình vốn:

Tổng số nguồn vốn của Công ty là: **26.202 triệu đồng** (bằng **62,12%** so với năm trước (**42.181 triệu đồng**), trong đó một số khoản mục chủ yếu như sau:

a) Tổng nợ phải trả là: **19.881 triệu đồng**, chiếm **75,88%** tổng nguồn vốn chủ yếu là:

- Phải trả cho người bán là: **284 triệu đồng**.

- Phải trả ngắn hạn là: **17.474 triệu đồng**

- Người mua trả tiền trước là: **968 triệu đồng**

b) Tổng vốn chủ sở hữu là: **6.321 triệu đồng**. Trong đó:

- Vốn điều lệ là: **50.000 triệu đồng**.

- Cổ phiếu quỹ là **188,1 triệu đồng**.

- Lỗ lũy kế là: **-43.491 triệu đồng**

c. Tình hình tín dụng :

a. Vay dài hạn :

- Trong năm 2020, công ty đã trả nợ gốc vay đóng tàu Sea Dream 440.000 USD tương đương 10.219 triệu đồng. Đến 31/12/2020, Công ty đã trả hết nợ gốc vay dài hạn.

b. Vay ngắn hạn:

Số dư nợ vay ngắn hạn đầu năm 2020 là 3.400 triệu đồng. Khoản vay này phát sinh cuối tháng 12/2019, do tàu lên đà trung gian tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn (SSIC) từ 15/12/2019 đến 03/01/2020. Trong năm công ty có vay bổ sung thêm 2.534 triệu đồng để thanh toán tiền đà theo tiến độ sửa chữa và cho các nhà cung cấp dịch vụ khác. Các ngân hàng từ chối cấp tín dụng cho các doanh nghiệp vận tải biển. Để bổ sung vốn lưu động, công ty đã phải huy động vay ngắn hạn cá nhân. Công ty đã ký hợp đồng với cá nhân và đảm bảo thanh toán lãi vay theo đúng quy định của pháp luật. Đến 31/12/2020, công ty đã thanh toán hết gốc và lãi vay ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới, cán bộ nhân viên trong công ty không ngừng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Ban điều hành chú trọng đến việc bổ nhiệm các cán bộ trẻ, có năng lực vào các vị trí quan trọng trong các phòng nghiệp vụ của công ty để các cán bộ này có điều kiện cọ sát thực tế để kể cận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tình hình thị trường kinh doanh vận tải biển năm 2019 chưa có dấu hiệu khởi sắc nên đầu tư mua tàu trong giai đoạn này cần phải tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng về nguồn hàng, tuyển khai thác và chi phí khai thác, vận doanh tàu. Trước tình hình này, Công ty đề xuất chưa thực hiện chủ trương đầu tư đóng mới hay mua tàu đã qua sử dụng trong năm 2020.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng...)

Việc tiết kiệm nước, năng lượng không chỉ giảm chi phí, giảm giá thành vận tải mà còn bảo vệ môi trường. Sau khi đã nhận thức được điều này, người lao động công ty nâng cao tinh thần tiết kiệm khi tàu trên biển thuyền viên trung cất nước biển lấy nước ngọt dự trữ trong các két của tàu. Vận hành tàu chạy với tốc độ kinh tế để giảm tiêu hao nhiên liệu mà vẫn đảm bảo yêu cầu khai thác. Ngoài ra trong sinh hoạt hằng ngày, thuyền viên cũng tiết kiệm nước ngọt, tiết kiệm điện hơn trước.

Số lượng điện, nước tiêu thụ trong năm 2020 đã giảm hơn do người lao động trên văn phòng đã có ý thức trong việc tiết kiệm điện, nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Các chế độ chính sách liên quan đến người lao động phù hợp với pháp luật hiện hành giúp người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với doanh nghiệp.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương

Tham gia đầy đủ các chương trình hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác thông qua hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Từ đó định hướng cho người lao động công ty có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi làm việc và nơi sinh sống.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Kinh doanh:

Tàu Sea Dream tiếp tục được cho nước ngoài thuê định hạn ổn định sau khi tàu rời đà từ 06/01/2021 đến 31/12/2021.

Tàu được giữ trong tình trạng hoạt động tốt nên trong thời gian cho thuê tàu bị off hire 0,07 ngày. Tuy nhiên do tình hình kinh doanh khó khăn nên người thuê thương lượng giảm giá thuê 12,12% từ tháng 09/2021 đến hết năm. Công ty bị lỗ.

Trong năm đã trả hết nợ gốc vay đóng tàu Sea dream và vay ngắn hạn. Giám đốc điều hành chủ động tìm kiếm nguồn vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động duy trì hoạt động liên tục.

b. An ninh – an toàn hàng hải

Trong năm 2020, có vài lần PSC xuống tàu kiểm tra và phát hiện lỗi. Công ty đã khắc phục kịp thời để tránh mất ngày tàu đồng thời phân tích, làm rõ nguyên nhân để rút kinh nghiệm.

c. Bảo hiểm tàu

Công ty đã tham gia đầy đủ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, Bảo hiểm thân vỏ tàu, Bảo hiểm tai nạn thuyền viên 24/7.

d. Công tác thuyền viên

Hiện nay, các tàu Trung Quốc thiếu thuyền viên trầm trọng. Để thu hút thuyền viên, họ sẵn sàng trả lương cao, không đặt nặng yêu cầu chuyên môn nên thuyền viên khan hiếm, yêu cầu lương cao. Việc tuyển dụng thuyền viên rất khó khăn. Ngoài ra chất lượng thuyền viên không đạt yêu cầu và thấp hơn so với trước. Đặc biệt về chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức và kỷ luật lao động. Công ty đã thuê thuyền viên Ấn độ với mức lương thấp hơn nhưng trình độ chuyên môn và kỷ luật tốt thay thế một số chức danh trên tàu Sea Dream.

c. Thuế và lệ phí:

Công ty hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2020, mặc dù thị trường kinh doanh vận tải biển rất khó khăn do dịch bệnh, do chiến tranh thương mại Mỹ Trung, Giám đốc điều hành đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà HĐQT, ĐHĐCĐ giao phó, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, các qui chế nội bộ của Công ty; Thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Ban Giám đốc luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Kế hoạch năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	So KH 2021/TH 2020
1	Tổng doanh thu vận tải tàu Sea Dream	23.447	26.455	88,63%
2	Khấu hao cơ bản tàu Sea Dream (tỷ lệ %)	5 %	5%	100,00 %
	<i>Tương đương</i>	7.048	8.868	
3	Chi phí tiền lương	5.200	4.920	105,69%
4	Lợi nhuận sau thuế	-200	-537	
5	Thù lao HĐQT	-	-	-

Trong năm 2021, tàu Sea Dream tiếp tục cho thuê định hạn từ đầu năm đến thời điểm tàu lên đà đặc biệt vào cuối năm 2021. Dự kiến tàu lên đà khoảng 25 ngày trong đó 15 ngày thuộc năm 2021 không có doanh thu.

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên công ty sẽ cố gắng hết sức để hoàn thành kế hoạch đã đề ra trong năm 2020.

3.2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2021:

Do đại dịch Covid vẫn diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung chưa có hồi kết nên tình hình kinh doanh vận tải biển cuối năm 2020 và đầu năm 2021 gặp rất nhiều khó khăn. Giá thuê định hạn tàu Sea Dream bằng giá thuê 4 tháng cuối năm 2020 và không đổi trong năm 2021. Tàu lên đà sửa chữa đặc biệt khoảng 25 ngày trong đó năm 2020 có 15 ngày trên đà (không có doanh thu). Đây cũng là một yếu tố khó khăn cho tình hình kinh doanh công ty trong giai đoạn hiện nay. Công ty phải thu xếp nguồn tiền cho tàu lên đà, lắp hệ thống quản lý nước dẫn...trong khi doanh thu giảm. HĐQT sẽ sát cánh cùng Ban điều hành cố gắng:

- + Duy trì ổn định mọi dịch vụ, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Triệt để tiết kiệm chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ;
- + Thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm giảm bớt áp lực về tài chính đảm bảo cho công ty được hoạt động liên tục.
- + Đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và lợi ích của các cổ đông.
- + Nghiên cứu triển khai dịch vụ quản lý tàu thuê, cho thuê một phần trụ sở tạo công ăn việc làm cho người lao động và tăng thêm thu nhập.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã tiến hành bầu Hội đồng nhiệm kỳ mới (2020-2025). Hội đồng Quản trị mới có 05 Thành viên trong đó 01

thành viên trực tiếp tham gia điều hành, 04 thành viên còn lại không trực tiếp tham gia điều hành. 02 thành viên là đại diện phần vốn cho các tổ chức góp vốn và 03 cổ đông cá nhân.

- Bà Phạm Thị Anh Thu thay ông Bùi Mạnh Cường, nghỉ hưu, làm đại diện phần vốn Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV tại công ty.

Ngày 27/03/2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã bầu bà Phạm Thị Anh Thu thay ông Bùi Mạnh Cường; Ông Nguyễn Đức Mạnh, cổ đông, thay ông Trần Đình Thắng làm thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị công ty từ ngày 27/03/2020 gồm:

STT	Hội đồng quản trị	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Phạm Thị Anh Thu - Chủ tịch HĐQT - Đại diện phần vốn Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	26,46%
2	Nguyễn Hữu Hoàn- Phó chủ tịch HĐQT	3,08%
3	Trần Ngọc Sơn- Đại diện phần vốn Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	8,82%
4	Đặng Hồng Trường	0,10%
5	Nguyễn Đức Mạnh	24,88%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Do mô hình công ty nhỏ, gọn nên Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị bầu ông Đặng Hồng Trường, thành viên Hội đồng quản trị là Người phụ trách quản trị công ty.

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị

+ Các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp với chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập chi tiết rõ ràng và lưu giữ đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các nghị quyết, quyết định được Hội đồng Quản trị Công ty ban hành sát sao, kịp thời giúp Ban Điều hành thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2020.

+ Kết quả giám sát đối với Giám đốc Điều hành

Giám đốc Điều hành là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Ban Điều hành thực hiện cắt giảm định biên tài, giảm chi tiêu, hạn chế tối đa

các chi phí phát sinh trong khai thác tàu; Giám sát chặt chẽ, việc cung cấp, tiêu thụ nhiên liệu, vật tư phụ tùng tránh lãng phí, thất thoát. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn phát triển nguồn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước.

Trong năm 2020, Giám đốc điều hành đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, các qui chế nội bộ của Công ty; thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ

+ Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý

Cán bộ điều hành và các sỹ quan thuyền viên mẫn cán, đồng lòng cùng Giám đốc điều hành cố gắng thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông. Trong năm qua, tuy phải cắt giảm chi phí trong hoạt động kinh doanh nhưng Công ty vẫn luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn trong hoạt động khai thác tàu, hàng hóa và con người. Hội đồng Quản trị đã có sự phối hợp công tác tốt với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ngày 27/03/2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới (2020-2025). Ông Lê Hải Phong xin không tiếp tục ứng cử nhiệm kỳ mới. Ông Lê Thanh Phúc, cổ đông được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát công ty từ ngày 27/03/2020 gồm:

STT	Ban Kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Nguyễn Minh Lộc - Trưởng ban	2,30%
2	Lê Thanh Phúc	3,63%
3	Nguyễn Phương Liên	0,63%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty khi được mời.
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh, tình hình tài chính, việc chấp hành các chế độ quy định của Nhà nước và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để lựa chọn, ký kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật.

+ *Kết quả giám sát Hội đồng quản trị:*

- Hội đồng Quản trị Công ty đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định để triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp đầy đủ hoặc tham dự họp thông qua ủy quyền tại các cuộc họp cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề xin ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Quản trị.

- Hội đồng Quản trị đã hành động có trách nhiệm và vì công việc chung.

- Khi tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu của cuộc họp.

- Hiện nay ngành vận tải biển liên tục gặp rất nhiều khó khăn, Ban Kiểm soát thấy HĐQT đã có nỗ lực trong công tác quản lý Công ty.

+ *Kết quả giám sát Ban điều hành*

- Giám đốc và Lãnh đạo các Phòng Ban đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Quyết định của HĐQT.

- Ban Điều hành đã có những đề xuất và quyết định phù hợp, chủ động theo tình hình thực tế để duy trì hoạt động của Công ty trong các điều kiện vô cùng khó khăn của thị trường vận tải biển.

- Ban Điều hành đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

- Ban Điều hành đã hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty; không có xung đột lợi ích của cổ đông, của Công ty với lợi ích của cá nhân. Các hoạt động của Ban Điều hành và Lãnh đạo các Phòng, Ban Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ, quy định của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, Công ty không chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

VI. Báo cáo tài chính

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và phát hành Báo cáo Kiểm toán vào ngày 16 tháng 03 năm 2021.

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo Tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính.”

Các vấn đề cần nhấn mạnh:

“Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 2.5 trong Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 17.601.155.399VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.275.549.261	6.307.700.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	599.556.955	2.830.394.014
1. Tiền	111		599.556.955	2.830.394.014
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		656.490.373	1.411.388.861
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.2	178.581.641	1.210.002.409
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	477.908.732	201.386.452
III. Hàng tồn kho	140		269.201.162	289.817.350
1. Hàng tồn kho	141	4.4	269.201.162	289.817.350
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		750.300.771	1.776.100.585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	389.858.750	644.600.936
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		360.442.021	1.131.499.649
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.926.535.183	35.873.422.646
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.3	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		19.037.555.586	27.993.224.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	9.037.555.586	17.993.224.526
Nguyên giá	222		179.592.380.443	179.592.380.443
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.554.824.857)	(161.599.155.917)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyên giá	228		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	205.155.121
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	205.155.121
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.883.979.597	7.670.042.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	4.883.979.597	7.670.042.999
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)	270		26.202.084.444	42.181.123.456

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.880.704.660	35.321.903.589
I. Nợ ngắn hạn	310		19.876.704.660	35.317.903.589
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	284.469.181	1.422.589.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	967.896.263	1.169.841.751
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.5	2.923.449	1.374.000
4. Phải trả người lao động	314	4.11	85.137.000	584.394.925
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	17.473.934.599	17.089.723.994
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	1.054.704.118	1.423.339.175
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	13.619.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.640.050	7.640.050
II. Nợ dài hạn	330		4.000.000	4.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	4.000.000	4.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.321.379.784	6.859.219.867
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	6.321.379.784	6.859.219.867
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(188.100.000)	(188.100.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(43.490.520.216)	(42.952.680.133)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(42.952.680.133)	(45.047.621.040)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(537.840.083)	2.094.940.907
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		26.202.084.444	42.181.123.456

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	26.498.539.381	26.966.666.490
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.498.539.381	26.966.666.490
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	24.339.151.536	21.752.442.493
4. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.159.387.845	5.214.223.997
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	62.020.428	50.136.224
6. Chi phí tài chính	22	5.4	605.732.019	874.651.728
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>590.290.396</i>	<i>867.827.499</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	330.636.511	336.536.542
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	1.822.879.826	1.958.231.044
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(537.840.083)	2.094.940.907
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(537.840.083)	2.094.940.907
11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(537.840.083)	2.094.940.907
12. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	(108)	421
13. Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	(108)	421

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(537.840.083)	2.094.940.907
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	8.955.668.940	8.955.668.940
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.453.643	(24.202.544)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư			(79.431)	
Chi phí lãi vay	06		590.290.396	867.827.499
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.016.493.465	11.894.234.802
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.525.956.116	(1.513.744.820)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.616.188	234.382.572
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.929.873.728)	214.785.636
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.040.805.588	(4.100.067.165)
Tiền lãi vay đã trả	14		(286.368.138)	(37.637.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.387.629.491	6.691.953.765
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		79.431	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		79.431	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.533.505.000	3.400.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(16.152.505.000)	(8.516.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.619.000.000)	(5.116.800.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(2.231.291.078)	1.575.153.765
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.830.394.014	1.255.246.640
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ.	61		454.019	(6.391)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	599.556.955	2.830.394.014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	Việt Nam	13.230.000.000	26.46	13.230.000.000	26.46
Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Việt Nam	4.410.000.000	8.82	4.410.000.000	8.82
Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	Việt Nam	4.409.000.000	8.82	4.409.000.000	8.82
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Việt Nam	12.440.100.000	24.88	12.440.100.000	24.88
Các cổ đông khác	Việt Nam	15.510.900.000	31.02	15.510.900.000	31.02
Cộng		50.000.000.000	100	50.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 40 Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, VN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 24 (31/12/2019: 26).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 17.601.155.399 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2020 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1 Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận, đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3.4 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 50 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến mua vật tư và chi phí sửa chữa tàu. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ từ 2 tháng đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ 3 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 2 năm đến 3 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu cung cấp dịch vụ, thu thập khác

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và

thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

Dịch vụ vận tải biển: 0% và Dịch vụ cho thuê văn phòng: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên BCTC có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có

ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	168.882.906	98.975.831
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	430.674.049	2.731.418.183
Cộng	599.556.955	2.830.394.014

4.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
National Marine Corp. Phils	32.202.930	32.321.760
PT. Gesuri Lloyd Jakarta	30.854.231	30.968.084
China Ocean Shipping Agency Zhanjiang	22.118.437	22.200.055
Các nhà cung cấp khác	93.406.043	1.124.512.510
Cộng	178.581.641	1.210.002.409

4.3. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Khoản bồi thường từ công ty bảo hiểm	414.986.452	-	201.386.452	-
Tiền ăn ngoại tệ tàu Sea Dream	52.922.280	-	-	-
Phải thu người lao động	10.000.000	-	-	-
Cộng	477.908.732	-	201.386.452	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-

4.4. Hàng tồn kho:

Chủ yếu là dầu nhớt và phụ tùng thay thế phục vụ cho tàu biển.

4.5. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.923.449	40.625.675	39.076.226	-	1.374.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.531	3.000.531	-	-
Cộng	-	2.923.449	43.626.206	42.076.757	-	1.374.000

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	2.190.873.689	40.826.894	177.360.679.860	179.592.380.443
Tại ngày 31/12/2020	2.190.873.689	40.826.894	177.360.679.860	179.592.380.443
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	113.925.427	40.826.894	161.444.403.596	161.599.155.917
Khấu hao trong năm	87.634.944	-	8.868.033.996	8.955.668.940
Tại ngày 31/12/2020	201.560.371	40.826.894	170.312.437.592	170.554.824.857
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	2.076.948.262	-	15.916.276.264	17.993.224.526
Tại ngày 31/12/2020	1.989.313.318	-	7.048.242.268	9.037.555.586

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 40.826.894 VND.

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	-	335.988.648
Chi phí phụ tùng	389.858.750	308.612.288
Cộng	389.858.750	644.600.936
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tàu 2-3 năm	3.952.290.501	6.160.180.566
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	931.689.096	1.509.862.433
Cộng	4.883.979.597	7.670.042.999

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Golden orient Ship Management & Agencies, Inc	24.861.872	24.861.872	24.867.227	24.867.227
Shanghai Safe Shipping Agency Co., Ltd	26.690.053	26.690.053	26.695.802	26.695.802
Nantong Fareast Intl Shipping Agency Co., Ltd	96.569.061	96.569.061	96.589.859	96.589.859
Phải trả cho các đối tượng khác	136.348.195	136.348.195	1.274.436.806	1.274.436.806
Cộng	284.469.181	284.469.181	1.422.589.694	1.422.589.694

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Seapioneer Shipping Co., ltd	942.499.981	1.144.440.000
Các khách hàng khác	25.396.282	25.401.751
Cộng	967.896.263	1.169.841.751

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho một số thuyền viên.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí bảo hiểm tàu	80.288.347	-
Chi phí lãi vay (*)	17.393.646.252	17.089.723.994
Cộng	17.473.934.599	17.089.723.994

(*) Là lãi vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và công ty có kế hoạch trả trong vòng 2 năm tới.

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<i>Ngắn hạn:</i>		
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	93.117.360	172.806.092
Cổ tức	807.073.600	807.073.600
Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	-	269.344.189
Các khoản phải trả, phải nộp khác	154.513.158	174.115.294
Cộng	1.054.704.118	.423.339.175
<i>Dài hạn:</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.000.000	4.000.000

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	50.000.000.000	(188.100.000)	(45.047.621.040)	4.764.278.960
Lãi trong năm trước	-	-	2.094.940.907	2.094.940.907
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	(188.100.000)	(42.952.680.133)	6.859.219.867
Lỗ trong năm nay	-	-	(537.840.083)	(537.840.083)
Tại ngày 31/12/2020	50.000.000.000	(188.100.000)	(43.490.520.216)	6.321.379.784

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	13.230.000.000	13.230.000.000
Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (VN)	4.409.000.000	4.409.000.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh	12.440.100.000	12.440.100.000
Các cổ đông khác	15.510.900.000	15.510.900.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (CP quỹ)	(18.810)	(18.810)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.14.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	(537.840.083)	2.094.940.907
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm	4.981.190	4.981.190
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(108)	421

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	18.434,43	49.989,97

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Là doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê một phần trụ sở.

5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê trụ sở.

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	79.431	131.649
Lãi chênh lệch tỷ giá	61.940.997	50.004.575
Cộng	62.020.428	50.136.224

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	590.290.396	867.827.499
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.441.623	6.824.229
Cộng	605.732.019	874.651.728

5.5. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	1.187.872.104	1.170.666.836
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.637.233	14.005.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.634.944	87.634.944
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.533.903	59.119.920
Chi phí khác bằng tiền	459.201.642	623.803.378
Cộng	1.822.879.826	1.958.231.044

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.572.321.608	2.428.962.039
Chi phí nhân công	6.042.219.931	5.812.212.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.955.668.940	8.955.668.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.658.876.822	5.299.192.647
Chi phí khác bằng tiền	1.263.580.572	1.551.174.188
Cộng	26.492.667.873	24.047.210.079

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.533.505.000	3.400.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	16.152.505.000	8.516.800.000

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là cho thuê tàu vận tải biển và hoạt động hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |

Thu nhập của Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	332.600.000	344.076.000

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	43.636.364	43.636.364

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31 tháng 12 năm 2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Giám đốc điều hành



NGUYỄN HỮU HOÀN